

Số: 511/2025/QĐST-VHNGĐ

B, ngày 24 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 83, 84, 116, 117, 118, 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 0581/2025/TLST-VHNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Minh T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: 345B đường Đ, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà **Nguyễn Thị Bích N**, sinh năm 1986

Địa chỉ: 117/5/19 đường P, Phường S, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành tại Tòa án, các đương sự đã thỏa thuận được những nội dung sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Bích N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 người con chung tên: Lê Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/11/2018 và thỏa thuận sẽ do bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ Lam đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân:

- Ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Bích N thuận tình ly hôn.

- Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2016, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/11/2016 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày ban hành quyết định này.

1.2 Về con chung: Giao người con chung tên Lê Nguyễn Hải L, sinh ngày 18/11/2018 cho bà Nguyễn Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trẻ Lam đủ 18 tuổi.

1.3 Về cấp dưỡng: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

- Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Bích N mỗi người chịu một nửa, được miễn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053136 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi miễn trừ, ông Lê Minh T và bà Nguyễn Thị Bích N đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- UBND Phường E, Quận F;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kiều Trang